TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 3- 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Tuyết**

Ông **Nguyễn Đức Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Vân Anh**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khaicvụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 606/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn***:*Chị **Kiều Thị Thu B**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: tổ 1, khu 5, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn***:*Anh **Ngô Thanh T,** sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: tổ 16, khu 2, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được tống đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Kiều Thị Thu B có quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và và anh Ngô Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2013, tại UBND phường HG, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn hai anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Ngyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên mải chơi không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Về con chung: Chị Kiều Thị Thu B và anh Ngô Thanh T có 01 con chung là Ngô Kiều V (sinh ngày 14/5/2014). Nay ly hôn, chị B có quan điểm xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và hàng tháng yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/ tháng (Hai triệu đồng/tháng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Kiều Thị Thu B nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Ngô Thanh T nhưng anh T vẫn không có mặt để làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh T xem xét hợp tác với Tòa án nhưng anh T vẫn không thực hiện.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn chị Kiều Thị Thu B cung cấp cho Tòa án đơn xin từ chối hòa giải vụ án và Đơn xin xác nhận thực trạng hôn nhân có thể hiện nội dung: Chị B và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường HG và sống vợ chồng sống chung tại tổ 1, khu 5, phường K, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Do Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần không có mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Về tình cảm: Xin được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Về con chung: Chị B xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và hàng tháng yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/ tháng (Hai triệu đồng/tháng).

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Ngày 13/01/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh Ngô Thanh T, ông La Văn Cao là tổ trưởng tổ 16, khu 2, phường HG, Thành phố H cung cấp thông tin như sau: Chị B và anh T khi kết hôn không sinh

hoạt ở tổ dân nên tổ dân không biết được mâu thuẫn vợ chồng như thế nào. Một thời gian gần đây (mấy tháng trở lại đây) thì thấy anh T về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 16, khu 2, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, anh T làm công việc gì thì tổ dân không rõ vì anh T thường xuyên đi sớm về khuya, hiện tại anh T đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Kiều Thị Thu B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Thanh T (Nơi cư trú: Tổ 1, khu 5, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh). Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Kiều Thị Thu B và anh Ngô Thanh T chung sống và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2013 tại Ủy ban nhân dân phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn này thể hiện quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng trong đời sống gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên mải chơi không quan tâm chăm lo đời sống gia đình, vợ chồng con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã, xung đột. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nói chuyện nhưng không đạt kết quả. Năm 2019 chị B và anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nhưng do muốn quay về để hàn gắn nên anh chị đã rút đơn về. Tuy nhiên do không thể khắc phục được nên đến cuối năm 2018 anh T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị B xin được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Đối với anh Ngô Thanh T, sau khi chị B đề nghị ly hôn tại Tòa án, anh nhận được thông tin nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có quan

điểm và có thái độ bảo mặc. Như vậy thể hiện thái độ coi thường pháp luật và thiếu tôn trọng tình cảm vợ chồng cũng như ý thức bảo vệ cuộc hôn nhân này.

Những mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã ở mức trầm trọng và không thể khắc phục được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thể hiện việc để cho chị B và anh T đoàn tụ là không khả thi. Tình cảm của chị B đối với anh T không còn, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này thì cả hai anh chị cũng không thể hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị B có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị B và anh T có 01 con chung là: Ngô Kiều V (sinh ngày 14/5/2014). Nay ly hôn, trong đơn khởi kiện và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị B đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và hàng tháng yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng).

Yên cầu và nguyện vọng của chị B về con chung là chính đáng vì: cháu là con gái vẫn còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Ngoài ra công việc hiện tại của anh T thường xuyên đi sớm về trễ không có thời gian để chăm sóc con cái vì thế nên yêu cầu chị B là phù hợp và được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung:* Chị B xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân gia và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Kiều Thị Thu B.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Kiều Thị Thu B được ly hôn anh Ngô Thanh T.

- *Về con chung*: Chị Kiều Thị Thu B và anh Ngô Thanh T có 01 con chung là Ngô Kiều V (sinh ngày 14/5/2014). Giao con chung Ngô Kiều V cho chị Kiều Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung

đủ 18 tuổi. Anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.00.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 04/3/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị B xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Kiều Thị Thu B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001778, ngày 05/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Ngô Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường HG, TP H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Yến